

8. Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động¹

a) Đối tượng thực hiện:

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ khai đăng ký khai tử, giấy khai tử và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng của người yêu cầu hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân;

b) Cách thức thực hiện: Công chức Tư pháp – Hộ tịch trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại nhà riêng của người yêu cầu hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai (theo mẫu);

+ Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan có thẩm quyền cấp.

* Giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy tờ tùy thân gồm: hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng;

+ Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền đăng ký khai tử. Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

¹Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Trích lục đăng ký khai tử hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

g) Phí, lệ phí: 5.000 đồng/trường hợp.

Miễn lệ phí đăng ký đối với trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, người thuộc gia đình có công với cách mạng, khai tử đúng hạn.

h) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp người chết không có người thân thích, người thân thích không sống cùng địa bàn xã hoặc là người già, yếu, khuyết tật không đi đăng ký khai tử được;

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quyết định tổ chức đăng ký khai sinh lưu động.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);

- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2016);

- *Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);*

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).